TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31/7/2025
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Việt Tím

2. Bà Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: *Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 3, tỉnh An Giang.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 3, tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 3, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2025/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc *" Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm: 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 635, Khu dân cư ấp T H A, xã T H, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th (Thù) , sinh năm : 1984 (Vắng mặt lần 2)

Địa chỉ: Số 345, ấp T H A, xã T H, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2025 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thanh Th và anh Nguyễn Văn Th chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang (Nay là xã T H) vào ngày 12/12/2012, số 01/2012, quyển số 100/2012. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, anh Th hay ghen tuông từ đó dẫn đến gia đình không hạnh phúc làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng.

Nay, chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02 năm 2025 đến nay.

- Về con chung vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích Ph, sinh ngày 06/7/2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 01/01/2019 hiện nay các con sống chung với vợ chồng.

- Về tài sản: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về phần nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

- Về con chung: Chị Th yêu cầu được nuôi 2 con không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về phần nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Qua lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thanh Th về năm chung sống, vợ chồng có đăng ký kết hôn, có 02 con chung, quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và cũng không ai nợ vợ chồng là đúng.

Về nguyên nhân mâu thuẫn anh Th cho rằng: Do chị Th có mối quan hệ với bạn bè bên ngoài nhiều nên anh không đồng ý, từ đó vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp và chị Th đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 2 năm 2025 cho đến nay.

Tại Tòa án anh Nguyễn Văn Th có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Th, anh mong muốn được đoàn tụ để vợ chồng tiếp tục nuôi dạy con chung.

Trong trường hợp chị Th kiên quyết ly hôn mà Toà án xử cho ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

- Về con chung: Anh đồng ý giao 02 con tên Nguyễn Thị Bích Ph, sinh ngày 06/7/2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 01/01/2019 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về phần nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Văn Th đang cư trú tại số 345, ấp Tân H A, xã T H, tỉnh An Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 3, tỉnh An Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Th.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh Th và anh Nguyễn Văn Th được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang (Nay là xã T H) vào ngày 12/12/2012, số 01/2012, quyển số 100/2012 là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh Th Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn, chị Th và anh Th chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, anh Th hay ghen tuông vô cớ từ đó dẫn đến gia đình không hạnh phúc, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng, chị Th và anh Th đã nhiều lần nếu kéo cuộc hôn nhân nhưng không mang lại kết quả. Hiện nay anh chị đã ly thân từ tháng 2 năm 2025 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hiện được tình nghiã vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình *" Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;.... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,..".*

[5] Đối với ý kiến của anh Th không đồng ý ly hôn với chị Th mà xin được đoàn tụ, xét yêu cầu xin được đoàn tụ của anh Th là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, trong quá trình chung sống giữa anh và chị Th luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp mặc dù anh Th đã nhiều lần hàn gắng với chị Th quay về đoàn tụ để nuôi dạy con chung, nhưng chị Th dẫn cương quyết ly hôn với anh Th. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 quy định *" Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn…."*.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh Th.

[6] Về con chung: Anh Th, chị Thúy xác nhận có 02 con tên Nguyễn Thị Bích Ph, sinh ngày 06/7/2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 01/01/2019 hiện nay 02 con đang chung sống với vợ chồng. Theo nguyện vọng của cháu Ph và cháu B và tại phiên hòa giải anh Th đồng ý giao 2 cháu cho chị Th nuôi dưỡng. Từ những nội dung trên Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Th và anh Th. Tiếp tục giao 02 con tên Nguyễn Thị Bích Ph, sinh ngày 06/7/2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 01/01/2019, cho chị Nguyễn Thị Thanh Th trực tiếp trông nom chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh Th không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh Th không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về phần nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51,56,69,81,82,83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Th.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

3. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Th và anh Th. Tiếp tục giao 02 con tên Nguyễn Thị Bích Ph, sinh ngày 06/7/2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 01/01/2019, cho chị Nguyễn Thị Thanh Th trực tiếp trông nom chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh Th không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh Th không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo lai thu số: 0013572 ngày 02/4/2025 của Chi cục Thi hành dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang (Nay Phòng Thi hành án dân sự Khu Vực 3, tỉnh An Giang).

6. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Danh Vũ

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh An Giang
- VKSND Khu Vực 3;
- THA dân sự tỉnh An Giang;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.